

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG NỢ HỌC PHÍ
Tính đến học kỳ 2 năm học 2014-2015

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
1	Nguyễn Tuấn Đạt	5053105003	1,280,000	Chính sách công	CSC5
2	Nguyễn Phương Giang	5053105008	1,280,000	Chính sách công	CSC5
3	Mạc Phan Hải	5053105009	480,000	Chính sách công	CSC5
4	Nguyễn Mai Hiền	5053105011	1,280,000	Chính sách công	CSC5
5	Ngô Thị Ngọc Hoa	5053105014	640,000	Chính sách công	CSC5
6	Nguyễn Hoàng Long	5053105025	1,280,000	Chính sách công	CSC5
7	Phạm Thị Quỳnh	5053105033	1,280,000	Chính sách công	CSC5
8	Lành Văn Triệu	5053105041	-3,040,000	Chính sách công	CSC5
9	Nguyễn Thu Vân	5053105043	640,000	Chính sách công	CSC5
10	Nguyễn Thanh Bình	5053101003	1,920,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
11	Nguyễn Văn Hải	5053101011	1,280,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
12	Trần Quang Huy	5053101021	640,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
13	Trần Minh Huyền	5053101023	640,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
14	Nguyễn Thu Hường	5053101020	2,240,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
15	Đào Yến Khanh	5053101024	4,320,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
16	Trần Thế Long	5053101032	3,520,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
17	Nguyễn Lan Phương	5053101041	640,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
18	Hà Kiều Vân	5053101053	4,480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5A
19	Vy Tiến Đạt	5053101061	3,840,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
20	Nguyễn Thị Hà	5053101063	4,320,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
21	Lê Đức Hiệp	5053101070	640,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
22	Phan Thị Linh	5053101083	4,000,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
23	Mai Thị Thanh Loan	5053101085	1,280,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
24	Trần Thành Nam	5053101089	640,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
25	Lê Thị Bảo Ngọc	5053101091	1,280,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
26	Nguyễn Tiến Nhất	5053101093	640,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
27	Nguyễn Quang Thịnh	5053101099	640,000	Kế hoạch phát triển	KHPT5B
28	Phạm Ngọc Anh	5053106039	3,840,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
29	Hoàng Đức Hiệp	5053106052	1,280,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
30	Hoàng Phương Hoa	5053106054	1,280,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
31	Nguyễn Thị Hoài	5053106055	4,320,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
32	Trần Huy Hoàng	5053106056	1,280,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
33	Phạm Hà Nam	5053106027	3,360,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
34	Bùi Thị Phượng	5053106075	640,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
35	Nguyễn Văn Thế	5053106077	1,280,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5
36	Phan Thị Thêu	5053106078	1,280,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN5

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
37	Nguyễn Việt Anh	5053101201	3,040,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
38	Đặng Thị Thanh Huyền	5053101213	4,320,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
39	Nguyễn Thị Hồng Nhung	5053101224	640,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
40	Nguyễn Thị Hà Phương	5053101227	1,280,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
41	Vũ Phan Sơn	5053101232	-640,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
42	Lô Văn Tào	5053101234	-3,040,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
43	Lê Phương Thảo	5053101237	1,280,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
44	Đỗ Thị Thu Thủy	5053101247	1,280,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
45	Vũ Huyền Trang	5053101250	640,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
46	Bùi Thị Trâm	5053101248	3,840,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
47	Nguyễn Thị Thanh Tú	5053101251	640,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
48	Doãn Hoàng Việt Tùng	5053101252	640,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
49	Đỗ Thị Uyên	5053101253	1,280,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
50	Cao Đức Việt	5053101255	1,280,000	Quy hoạch phát triển	QHPT5
51	Vũ Khắc Đạt	5053101305	1,280,000	Quản lý đấu thầu	QLĐT5
52	Nguyễn Ngân Hà	5053101311	640,000	Quản lý đấu thầu	QLĐT5
53	Bùi Thảo Linh	5053101320	1,280,000	Quản lý đấu thầu	QLĐT5
54	Hồ Bá Long	5053101322	3,840,000	Quản lý đấu thầu	QLĐT5
55	Ngô Thanh Thúy	5053101336	1,280,000	Quản lý đấu thầu	QLĐT5
56	Đỗ Thị Ngọc Anh	5053401002	1,280,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
57	Phạm Thị Hạnh	5053401010	1,280,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
58	Nguyễn Thị Thu Hiền	5053401011	640,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
59	Hà Văn Linh	5053401018	-2,560,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
60	Nguyễn Khánh Linh	5053401022	640,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
61	Nguyễn Thị Mỹ Linh	5053401021	640,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
62	Nguyễn Thị Hồng Mỹ	5053401025	4,320,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
63	Trương Phú Quý	5053401034	640,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
64	Nguyễn Như Quỳnh	5053401036	1,280,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
65	Đào Lê Thành	5053401039	3,040,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
66	Nguyễn Thị Thêu	5053401044	1,280,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
67	Trần Thị Yến	5053401058	-3,040,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN5
68	Nguyễn Việt Anh	5053402026	1,280,000	Tài chính công	TCC5A
69	Trần Ngọc Anh	5053402027	1,280,000	Tài chính công	TCC5A
70	Cần Duy Quang	5053402051	1,280,000	Tài chính công	TCC5A
71	Nguyễn Ngọc Dương Sương	5053402053	1,280,000	Tài chính công	TCC5A
72	Phan Châu Phương Thảo	5053402056	640,000	Tài chính công	TCC5A
73	Vũ Thị Thảo	5053402055	1,280,000	Tài chính công	TCC5A
74	Đỗ Phương Trang	5053402059	640,000	Tài chính công	TCC5A
75	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	5053402061	2,400,000	Tài chính công	TCC5A
76	Võ Đức Anh	5043402053	2,000,000	Tài chính công	TCC5B

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
77	Đoàn Thị Hồng Chinh	5053402070	1,280,000	Tài chính công	TCC5B
78	Phan Hương Giang	5053402072	3,840,000	Tài chính công	TCC5B
79	Trần Mạnh Khương	5053105021	1,280,000	Tài chính công	TCC5B
80	Nguyễn Thị Hà Linh	5053402079	1,280,000	Tài chính công	TCC5B
81	Phạm Thị Như Quỳnh	5053402090	1,280,000	Tài chính công	TCC5B
82	Lưu Ngọc Tân	5053402091	2,560,000	Tài chính công	TCC5B
83	Nguyễn Tiến Thành	5053402092	1,280,000	Tài chính công	TCC5B
84	Bùi Trung Thi	5053402096	2,240,000	Tài chính công	TCC5B
Tổng cộng tất cả:			122,000,000		

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai